

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 04-8-2020.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Minh Cheo

Bà: Nguyễn Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Châu Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn D, sinh năm 1985; nơi cư trú: số nhà 51/22, đường H, phường Tân Thới H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Néang Chanh Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: số 167, tổ 14, ấp, xã L, huyện T, tỉnh A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người phiên dịch:* Châu Sóc S, sinh năm 1992; cán bộ trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang – Chi nhánh số 02 huyện Tri Tôn (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 27-5-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Dương Văn D trình bày: Anh và chị Néang Chanh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn,

trầm trọng hơn bắt đầu từ năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân chính bắt đầu quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân được khoảng hơn 7 tháng. Nay nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng anh Dương Văn D xin ly hôn với chị Néang Chanh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 12-02-2012, hiện Đng sống cùng chị Đ, khi ly hôn anh D đồng ý giao con chung tên Dương Văn T cho chị Néang Chanh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Néang Chanh Đ trình bày: Chị thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Dương Văn D, như anh D trình bày, chị và anh tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng bắt đầu từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đã ly thân thời gian khoảng hơn bảy tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không thể tiếp tục, chị đồng ý ly hôn với anh Dương Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 12-02-2012, hiện Đng sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Dương Văn D xin vắng mặt tại phiên tòa: Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án: Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Néang Chanh Đ; đồng ý giao con chung tên Dương Văn T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn chị Néang Chanh Đ xin vắng mặt tại phiên tòa: Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa bị đơn chị Néang Chanh Đ cũng đồng ý ly hôn; xin được nuôi dưỡng con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70,71,72 BLTTDS

- Về việc chấp hành pháp luật: Anh D và chị Đ tự tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, không đăng ký kết hôn nên không được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, mâu

thuần càng trầm trọng hơn và đã ly thân 07 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, nên anh D xin ly hôn với chị Đ. Đồng thời chị Đ cũng nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, tình cảm không thể hàn gắn. Nay anh D xin ly hôn chị Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 12-02-2012 hiện Đng sống cùng chị Đ. Khi ly hôn chị Đ xin được nuôi dưỡng con chung, anh D đồng ý giao con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Nên giao cháu T cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận anh D và Chị Đ là vợ chồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Néang Chanh Đ cư trú tại ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Văn D và bị đơn chị Néang Chanh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Dương Văn D và chị Néang Chanh Đ.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Văn D và chị Néang Chanh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, anh D, chị Đ hạnh phúc được thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục anh D xin ly hôn với chị Đ. Chị Đ cũng đồng ý ly hôn với anh D.

Theo công văn số 19/UBND-HT, ngày 26-5-2020 của Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm và biên bản xác minh ngày 26-6-2020 tại ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho biết anh Dương Văn D và chị Néang Chanh Đ không có thông tin họ,

tên đăng ký giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm từ năm 2011 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống năm 2011, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn, đến thời điểm hiện tại anh D và chị Đ vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Nay anh D xin ly hôn với chị Đ, chị Đ cũng đồng ý ly hôn. Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa, mặc dù anh D và chị Đ đồng ý ly hôn, nhưng không được công nhận mà căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định không công nhận anh Dương Văn D và chị Néang Chanh Đ vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 12-02-2012, hiện Đng sống cùng chị Đ, khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Quá trình tố tụng tại Tòa án anh D đồng ý giao con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Dương Văn T hiện Đng sống cùng chị Đ. Từ khi anh và chị ly thân đến nay, cháu T vẫn do chị Đ chăm sóc và nuôi dưỡng rất tốt, bên cạnh đó nguyện vọng của cháu T muốn được sống cùng mẹ là chị Néang Chanh Đ sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu T, cuộc sống của cháu không bị xáo trộn, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Dương Văn T cho chị Néang Chanh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Dương Văn D và chị Néang Chanh Đ, khai không có, không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Dương Văn D là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, anh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Dương Văn D và chị Néang Chanh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Dương Văn T, sinh ngày 12-02-2012 cho chị Néang Chanh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Dương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Dương Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số 0000263 ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan